

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: 28 /2018/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định

SỞ TƯ PHÁP

Số: 2564

Ngày: 31/7/18

Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định;

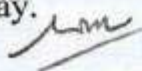
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường, bao gồm: Quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học và một số nhiệm vụ chi khác về tài nguyên môi trường.

2. Các nguồn kinh phí khác quy định về các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường (như nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, kinh phí sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này.



3. Những nội dung còn lại liên quan đến việc chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế thực hiện các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 3. Mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường

1. Mức chi cụ thể được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Tỷ lệ chi phí quản lý chung trong chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường do các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện theo phân cấp; ngân sách cấp nào cấp đó chi.

2. Nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HDND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Trung tâm Tin học;
- Lưu: VT, K4, K7. *bu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

PHỤ LỤC 1

**MỘT SỐ MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI VỚI
CÁC NHIỆM VỤ CHI VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
1	Chi lập đề cương nhiệm vụ, dự án			
1.1	Lập đề cương nhiệm vụ	nhiệm vụ	1.500	
1.2	Lập đề cương dự án	dự án		
	Dự án có giá trị < 500 triệu đồng		2.000	
	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng		3.000	
	Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng		3.500	
2	Họp hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ, dự án	Buổi họp		Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	350	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	200	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	Theo quy chế của cấp có thẩm quyền quy định có nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện và ủy viên hội đồng mới được tính
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	200	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	350	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	300	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	30	
	- Tổ chức	Phiếu	70	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài theo vụ việc nếu có)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án	Báo cáo		
5.1	Nhiệm vụ		3.500	
5.2	Dự án			
	<i>Dự án có giá trị < 500 triệu đồng</i>		4.000	
	<i>Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng</i>		9.000	
	<i>Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng</i>		11.000	
6	Hội thảo (nếu có)			
	Người chủ trì	người/buổi	350	
	Thư ký hội thảo		200	
	Đại biểu được mời tham dự	hội thảo	100	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	250	
7	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, dự án			
	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
7.1	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	300	
	Thành viên, thư ký		150	
	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký hội đồng		300	
7.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	350	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	300	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	

lme

PHỤ LỤC 2

**TỶ LỆ CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG TRONG CHI PHÍ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THỰC HIỆN CÁC
NHIỆM VỤ CHI VIẾT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22 /2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018
của UBND tỉnh Bình Định)

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án, chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí trực tiếp, quy định cho từng nhóm công việc như sau:

Nhóm công việc	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật)	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc không có định mức kinh tế kỹ thuật)
1. Ngoại nghiệp		
Nhóm I	20%	16%
Nhóm II	18%	13%
Nhóm III	14%	11%
2. Nội nghiệp (Nhóm I, II, III)	11%	8%

Trong đó:

- * Ngoại nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện ở thực địa.
- * Nội nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện trong phòng làm việc.
- * Các nhóm công việc của nhiệm vụ, dự án: theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên, thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có): được tính chi phí quản lý chung 18 triệu đồng/năm/nhiệm vụ, dự án, đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp đến 5 tỷ đồng; trường hợp nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp lớn hơn 5 tỷ đồng thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm./.

